



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN ĐỨC TIẾN
Last Middle First

Current Address: 9/18 Dãy Trần Côn F.11. Q.1 TP HCM

Date of Birth: 04/28/39 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/23/75 To 07/14/80
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Nguyễn Thị Thìn
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



hànterant
TIỀN in
1969

hànterant

Nguyễn Diên
Tài

Nguyễn Đức
Cầm Thủy

Nguyễn Hòa
Thống

Nguyễn Đức
Thủy Tiên



Nguyễn Văn
Thị

Nguyễn Thị Thúy
Nga

Nguyễn Thị Thị



Captain Keating and W.O.
Tien in 1865 at Qu²ap²i.
(2^d division) .

BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TRƯỞNG BỘ-BÌNH

THẺ CĂN-CƯỚC SINH-VIÊN SĨ-QUAN

Số 0645/TBB/TQT/CC/19



Họ và Tên: NGUYỄN ĐỨC TIẾN

Số quân: 59 160548

Trung-đội 46 Đại-đội 12 Khóa 19

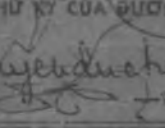
K.B.C. 4.100, ngày 30.12.1959

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH CAO HẠO HƯN

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI TRẦN QUỐC ỨNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH-QUY-ĐẢN

CHỦ TỊCH QUỐC-ĐẠI

 Miền Bắc nước	ẤU TAY  Miền Bắc nước
Sinh ngày	28.4.1955
Tại	Sài Gòn
Con của Ông	Nguyễn Văn - Đức
và Bà	Nguyễn Thị Cẩm HỮU KÝ CỦA ĐƯƠNG LẬP
	
* Thẻ này chỉ có giá trị trong thời gian 1h và 10m * Ai lạm dụng thẻ này xin bỏ vào hộp thư nào gần nhất. * Nhờ hộp thư chuyển đến địa chỉ KBC, 4.100.	



QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG

CHỨNG-CHỈ TẠI NGŨ

Số: **148.302**

Họ và Tên: **NGUYEN DUC TIEN**

Cấp bậc: **Thiếu Úy**

Số-quân: **59/160.548**

Đơn-vị: **BTM/SD2BB**

KBC. **4.277** ngày **8/3/1968**

Đại tá **NGUYEN VAN TOAN**

Q. Tư Lệnh **SD2/K22CT**

Trung tá **PHAM CAO DONG**

Q. Thôn **Quang Truoc**

QD-750 B

02.68.T.12.12.0.12

Ngày và nơi sanh : 28.4.1939

tai Sai gon

Cha : NGUYEN DUC TY

Mẹ : NGUYEN THI CONG

Địa-chỉ hiện tại : 67 Phan boi Chau
Quang Ngai

CHỮ KÝ ĐƯƠNG SỰ

Vien

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN-CƯỚC

Số 02612344

Họ Tên NGUYỄN-THỊ-THUY-NGA

Ngày, nơi sinh 01-03-1966

Quê-Bách

Cha NGUYỄN-văn-Chín

Mẹ PHẠM-Thị-Thơ

Địa chỉ Thôn-Núi-Vũng-Tàu



Dấu vết riêng: Nốt môi bên trái		Cao: 1 th 55
môi trên		Nặng: 144 Kg
Chữ ký đương sự: <i>tieng</i>	Nghĩa trở mặt	
Vũng-Tân, ngày 22-10-1969	Nghĩa trở trái	
Trương-Ty CSQG 87		
<i>li</i>		
Đại-Ủy LƯƠNG ĐÌNH CHI		

nguyên đức hiền'

Saigon, 29.11.1988

Thính Thưa Bà,

Đã từ lâu tôi biết việc làm đầy nhân đạo của Bà đối với người HCT qua đài VOA. Lúc đó, tôi đã có xuất cảnh đi Thái do em vợ tôi bảo lãnh. Nhưng sau đó, chúng tôi đã bị Consulat Thái từ chối. Họ chỉ cần xét diện vợ chồng mà thôi. Tôi bèn sang sang diện 01 vì tôi là đại úy Trung tá bị đi tù cải tạo 5 năm 1 tháng 21 ngày. Trong những năm 1983, 1984 và những năm kế tiếp, tôi đã tìm mọi cách để gửi đơn qua Thái lan hầu mong chính phủ Mỹ cần xét cấp cho tôi thẻ giới thiệu (LOT), nhưng cho đến nay không có kết quả gì cả. Tôi có ở ngoài chi, ở Mỹ và Pháp, nhưng vì quá yếu, mất sức lao động, nên không thể bảo lãnh cho chúng tôi được. Tôi quả quyết vâng nên đã liên đi chui mấy lần nhưng cũng không thành công. Bởi tôi đã hoàn toàn bế tắc. Tôi chỉ còn một việc là mỗi ngày theo dõi đài VOA và bực đến mong là được tin tức từ Mỹ. Những việc này cũng bế tắc luôn. Tôi hết chán quá, phải sống làm sao đây với một vợ, 5 con không có hướng lại?

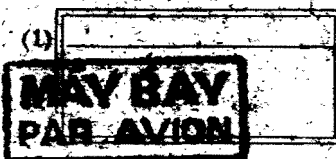
Thời này quá, tôi có người anh bà con là đại tá chỉ ban với đài Bê. Anh cho biết bà vừa gửi tin về với là sẽ giúp đỡ người HCT để được có thẻ LOT. Tôi mừng quá vội cử đại diện của bà đi gửi sang bà họ và cử gia đình tôi hầu mong và can thiệp tích cực và có hiệu quả của bà để giúp tôi có thẻ LOT và có được chuyển nước (từ Pháp sang Mỹ) ngay khi được.

Đã tình giúp tôi ngay đến chỗ cấp tin vui của bà giúp và nhất cần xin và hứa phần đó bà được nhận mức khác và chiếm phần lớn để bà tiếp tục làm việc thiện như này. Trân trọng cảm ơn bà.

Nguyễn

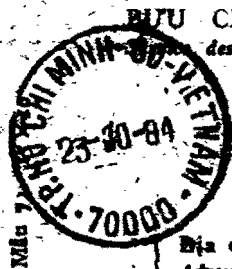
NGUYỄN ĐỨC TIẾN

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Việt Nam



ĐD
(29 và 29a c6)
C. 5.

Nhật in Bưu cục
hoặc giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis.



BƯU CHÍNH
des Postes

GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Réception

Trả tiền
Paiement

Địa chỉ: NGUYỄN ĐÌNH TRẦN
Adresse: 9/18 Đập Tiền Cầu F11 Đ

ở (đ) nước (Pays) TP/Hà Nội VN

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion »
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (*Effacer ce qui ne convient pas*).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Bưu phẩm ghi số (1)

Envoi recommandé

ký gửi tại Bưu cục

déposé au bureau de poste de

ngày

le

địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

HCM

23/10/74

số

727

ORDINARY LETTER PROGRAM OFFICE

131 Soi Tien Sang - Sathorn Tai Road

Bangkok - Thailand 10120

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.

Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

le

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (1)

20 NOV 1984

Chữ ký nhân viên

Bưu cục nhận

Signature de l'agent

du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận

Timbre du bureau

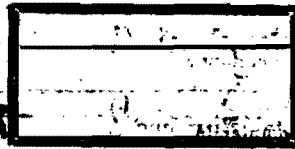
destinataire

Received

CHỮ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền ».

Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
HÀ NỘI



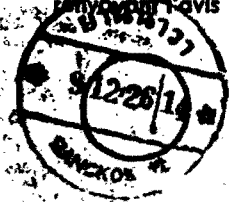
BD. 21
(29 và 29a)
C. 5

Nhật ấn Bureau
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis

Mẫu 72 - 15 x 10

GIẤY BÁO

Nhận
Réception
Trả tiền
Payement



Địa chỉ :

Adresse NGUYỄN ĐỨC TIỀN

9/10 Đặng Trần Côn Phường 4 Quận 4 TP. HỒ CHÍ MINH VIỆT NAM

ở (à) _____ nước (Pays) _____

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi số « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le rectifié de la mention très apparente « Renvoyé par avion »
et de l'étiquette en d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Barrer ce qui ne convient pas)
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ đã gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cục gửi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)
Envoi recommandé

Ký gửi tại Bureau cục

70250 PHAN

Ngày

19/11

1983

ở

số

Địa chỉ người nhận
Adresse du destinataire

THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE

424 SOUTH SANG ROAD SOUTH SATHORN ROAD BANGKOK 12 THAILAND

Ghi ở Bureau cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

Ngày

12/11/83

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Bưu cục nhận

Thước đo Bureau

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

Chữ ký nhân viên Nhật in bưu cục nhận

BÍ CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký được ủy quyền.
Nếu phát chậm ghi lý do như "Người nhận báo lần thứ 3 mới đến".

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet-nam

BƯU CHÍNH
Service des Postes

(1)



BB. 29
(29 và 29a cũ)
C. 5

Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis

GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Réception
Trả tiền
Payement



(Địa chỉ :

(Adresse: NGUYỄN TRÚC DIỄN

(3) 9/18 Đập trại Cồn Phú B1

(ở (à) HỒ CHÍ MINH (Pays) VIỆT NAM

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ: «Hoàn lại bằng máy bay»
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente «Renvoi par avions»
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh (Par avion).
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas)
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bưu cục **Đặc ghi**
A remplir par le Bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)
Envoi recommandé

Letter

Ký gửi tại Bưu cục
déposé au bureau de poste de

70100

ngày 15-8 1984
le 19

số 171
sous le no

Địa chỉ người nhận
Adresse du destinataire

ORDERLY DEPARTMENT PROGRAM OFFICE
19-80 Tien Dung - Sakhu Tai Road -
Bangkok 10121 Thailand

Ghi ở Bưu cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày
le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

9.14

Chữ ký nhân viên
Bưu cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire

[Signature]

Nhật ấn bưu cục nhận
Timbre du bureau
destinataire

[Stamp]

BÍ CHỨC : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền »
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

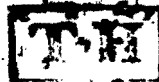
Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 101955 CN

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Châu Liên

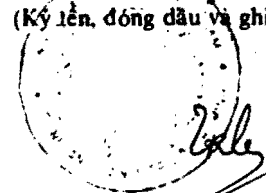
Ấp, ngõ, số nhà: 9/18

Thị trấn, đường phố: Đặng Trần Côn

Xã, phường: M

Huyện, quận: Một

Ngày 10 tháng 03 năm 1982
P. Trưởng công an: Xuân Một
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3

TRÌNH THÀNH KHƯƠNG

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỌ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND
1	2	3	4	5	6
01.	M ^{lô} Nguyễn Thị Nhung Liên	Chủ hộ	Nữ	17-11-1953	
02.	Phan Thị Huệ	Mợ	Nữ	25-9-1918	09034307.
03.	M ^{lô} Nguyễn Thị Nhung Nga	Chị	Nữ	1944	
04.	M ^{lô} Nguyễn Đức Cẩm Thúy	Con	Nữ	1969	
05.	M ^{lô} Nguyễn Đức Tuấn Bắc	Con	Nữ	1966	
06.	M ^{lô} Nguyễn Văn Tri	Con	Nam	1971	
07.	M ^{lô} Nguyễn Văn Trọng	Con	Nam	1972	
08.	M ^{lô} Nguyễn Văn Chiến	Con	Nam	1974	
09.	M ^{lô} Nguyễn Hữu Tiến	An rể	Nam	1959	

Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
7	8	9	10
Giao Viên giảng dạy	01-10-1976		
Giáo viên	01-10-1976		
xã tá	18-03-1978		
Học sinh	18-11-1978		
Học sinh	18-10-1978		
Học sinh	18-10-1978		
Học sinh	18-10-1978		
	22-8-80		

From : NGUYEN-DUC-TIEN
9/18 Dang-Tran-Con
F.II, Q. I
Ho-Chi-Minh City, Vietnam

To : The ODP Office
Phanjabhum Building
127 Sathorn Tai Road
Bangkok 10120, Thailand

Subject: APPLICATION FOR THE ODP

Dear Sirs,

I, the undersigned NGUYEN-DUC-TIEN, Captain of the former Armed Forces of the Republics of Vietnam, my serial number 59/160548, born on April 8, 1939 in Saigon, my last unit being Signal School at Vung-tau, APO 44 0.

I would like to apply for permanent settlement in the United States under the auspices of the ODP office. Following is some general information concerning my case :

- I was in the re-education camp from June 23, 1975 to July 14, 1980.
- In 1983, I had mailed to your office at Bangkok an application.
- In 1984, I sent three more applications to your office.

Until now, I have not had any replies from you.

May I send you another application, would you get further consideration to my case. Your prompt and favorable consideration would greatly aid my application for entry to the United States as refugees from Vietnam under the humanitarian program of the U.S. Government aimed at helping people who had served the Saigon Government and the U.S. interests in Vietnam prior to April 1975.

Moreover, I have obtained Exit Permit from the DRVN to France. I've also received a refusal to give me the Entry Visa from the General Consulate of France at Ho-Chi-Minh City. If I have L.O.I., I can change the destination country on my Exit Permit from France to The United States of America.

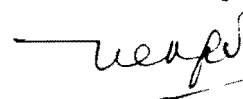
I should like to thank you and your staff for your kind consideration of my application. I am looking forward to receiving your reply.

Ho-Chi-Minh City, 29 Nov. 1988.

Included documents:

.1 Copy of

Sincerely yours,



NGUYEN-DUC-TIEN

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICATION

Date: 29 Nov. 1978

A.- BASIC IDENTIFICATION DATA :

1. Name : NGUYEN-DUC-TIEN
2. Other name :
3. Date/Place of birth : April 28, 1939 at Saigon
4. Residence address : 9/18 Dang-Tran-Con F.II Q.I
Ho-Chi-Minh City.
5. Mailing address :
6. Current occupation :

B.- RELATIVE TO ACCOMPANY ME :

(Note: Your spouse and unmarried children are only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W) or Single (S).

Name	Date of birth	POB	Sex	MS	Relationship
1. NGUYEN-THI THUY-NGA	March 1, 1944	Gia-dinh	F	M	Wife
2. NGUYEN-DUC CAM-THUY	August 13, 1963	Saigon	F	S	Daughter
3. NGUYEN-DUC THUY-TIEN	September 21, 1966	Saigon	F	S	Daughter
4. NGUYEN-TIEN-TRI	January 27, 1971	Vung-tau	M	S	Son
5. NGUYEN-TIEN-THONG	November 20, 1972	Vung-tau	M	S	Son
6. NGUYEN-TIEN-THIEN	March 19, 1974	Vung-tau	M	S	Son

(Note) For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificate (if married), divorce decrees (if divorced), spouse death certificate (if widowed), identification card (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section B below.

C.- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :1. Closest relatives in the U.S. :

a. Name : NGUYEN-THI-THIN
b. Relationship : Sister
c. Address :

. Closest relative in other foreign countries :

a. Name : NGUYEN-THI-THINH
b. Relationship : Sister
c. Address : 118 rue de Lagny 75020, Paris 20^e FRANCE

D.- COMPLETE FAMILY LISTING (living or dead) :

1. Father : NGUYEN-DUC-TY (dead)
2. Mother : NGUYEN-THI-TY (dead)
3. Spouse : NGUYEN-THI THUY-NGA 1944 9/18 Dang-tran-Con F.II Q.I
Ho-Chi-Minh City.

4. Former spouse (if any)

5. Children :

a. NGUYEN-DUC CAM-THUY As above
b. NGUYEN-DUC THUY-TIEN "
c. NGUYEN-TIEN-TRI "
d. NGUYEN-TIEN-THONG "
e. NGUYEN-TIEN-THIEN "

6. Siblings : None

E.- EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE.

Not applicable

1.- SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU :

1. Name of person serving : NGUYEN-DUC-TIEN BN : 59/160548
2. Date : Nov. 10, 1964 to Apr. 30, 1975
3. Last rank : Captain/Battalion Commander
4. Ministry/Office/Military unit : Signal School at Vung-tau
5. Name of Supervisor : Colonel Cao-Manh-Thang
6. Reason of leaving : April 30, 1975

7. Name of American Adviser: Captain KEATING

8. US training courses in Vietnam :

9. US Awards or Certificates :

(Note : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available.

Available ? Yes _____ No _____

G.- TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU :

H.- RE-EDUCATION OF YOU :

1. Name of person in re-education : NGUYEN-DUC-TIEN

2. Total time in re-education : more than 5 years.

3. Still in re-education : Yes _____ No X

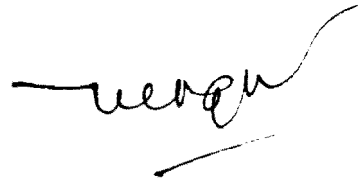
(if released, we must have a copy of your release certificate)

I.- ANY ADDITIONAL REMARKS :

I want to leave Vietnam for the United States because, I think, as a captain of the former Saigon Government, I might not be able to do anything in Vietnam to help my family as well as my people; furthermore, my children may not enter college even though they are doing well in school now.

J.- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- 1. 01 Copy of the release certificate.
- . 03 Copies of Avis.
- . 07 Copies of birth certificates.
- . 07 Photos
- . 01 Copy of the marriage certificate
- . 01 Copy of my adviser's photo.
- . 01 Copy of Vietnamese I.D. card.



NGUYEN DUC TIEN

CONSULAT GÉNÉRAL DE FRANCE

A
HO CHI MINH-VILLE

HO CHI MINH-VILLE, LE 12 AVRIL 1985

N° 841/LS

M adame,

J'ai le regret de vous faire savoir que la demande de visa d'établissement en France, que vous avez formulé, a fait l'objet d'une décision de sursis de la part des Autorités Françaises.

Je précise qu'en ce qui concerne la levée de sursis, il vous appartient de vous adresser au Ministère des Relations Extérieures - Direction des Français à l'Etranger et des Etrangers en France - Circulation des Etrangers - 21-Bis, Rue La Pérouse - 75775 PARIS CEDEX 16, seule autorité compétente en la matière.

Je vous prie d'agréer, Madame,
l'assurance de mes sentiments les Meilleurs.



POUR LE CONSUL GÉNÉRAL DE FRANCE ET P.M

P. Colombani
P. COLOMBANI
Vice-Consul
Chef de Chancellerie

Madame Veuve NGUYEN VAN CHIN
née PHAN THI THE
et sa famille

9/18 Dang-Trân-Côn - Phuong 11
Quân 1

HO-CHI-MINH-VILLE

374

Theo Công ty số 960-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ.
Tư lệnh quyết định tha số 77/QĐ ngày 1 tháng 7 năm 1980
của Bộ Nội vụ.

Thầy xin ~~đề nghị~~ cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 02

8 f 12

8 f 12

8 f 02

8 f 02

8 f 12

8 f 12

8 f 12

MAI TAY AIRPORT

Handwritten notes and signatures at the top of the document.

Handwritten '1/3' and other marks on the left margin.

14 H T A R Y A I

Handwritten date: Ngày 15.7.1980

Ngày 15.7.1980
Số 1001-2-13 và 1001-2-13 và 1001-2-13

Handwritten signature: Nguyễn Văn Khoa

Handwritten text in a box: 30, 7, 80

Handwritten text: 1001-2-13 và 1001-2-13 và 1001-2-13

Handwritten text at the bottom of the page.

VIỆT-NAM CÔNG-HOÀ
ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN NHÌ

Số hiệu: 56

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THỦ

Tên họ người chồng Nguyen Duc Tien
nghề-nhiệp Sinh vien
sinh ngày hai mươi tam tháng tu năm mot ngan chin
tram ba mươi chín tại Saigon
cư-sở tại Saigon 6/50 đường Le van Duyệt
tạm trú tại -----

Tên họ cha chồng Nguyen Duc Ty
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng Nguyen thi Ty tu Cong
(sống chết phải nói)
Tên họ người vợ Nguyen thi Thuy-Nga
nghề-nhiệp Học sinh
sinh ngày mt tháng ba năm mot ngan chin
tram bon mươi bon tại Hanh thong Xa, Gia Định
cư-sở tại Saigon 9/18 đường Dang tran Con
tạm trú tại -----

Tên họ cha vợ Nguyen van Chin
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ Phan thi The
(sống chết phải nói)
Ngày cưới Ngày hai mươi lam tháng gieng, nam mot ngan
chin tram sau mươi hai, hoi 16 gio 30
Vợ chồng khai oang trong lập hôn-kế -----
ngày ----- tháng ----- năm -----
tại -----

TRÍCH Y BỒN CHÁNH,

Saigon, ngày 27 tháng I năm 196 2
VIÊN CHỨC HỘ-TỊCH, S

1962

ÉTAT CIVIL

Acte n° 2937

EXTRAIT des registres des ACTES DE NAISSANCE

de l'Année ~~mil neuf cent trente neuf~~ (1939)

Tên, họ đứa con nít Nom et prénoms de l'enfant	Nguyễn đức Tiến
Nam hay Nữ Son sexe	masculin
Sanh ngày nào Date de sa naissance	le vingt huit avril mil neuf cent trente neuf à 10h50
Sanh tại chỗ nào Lieu de sa naissance	Saigon, passage Colonel Grimaud
Tên, họ người cha Nom et prénoms de son père	Nguyễn đức Ty
Làm nghề-nghiệp gì Sa profession	collecteur des taxes au Service des Marchés
Nhà cửa ở đâu Son domicile	Saigon, rue Verdun no 30
Tên, họ người mẹ Nom et prénoms de sa mère	Nguyễn thị Ty dite Cong
Làm nghề-nghiệp gì Sa profession	sans profession
Nhà cửa ở đâu Son domicile	Saigon, rue Verdun no 30
Vợ chánh hay vợ thứ Son rang de femme mariée	premier rang

POUR EXTRAIT CONFORME: **THAM/5**Saigon, le **17 DECEMBRE 1964**

P. Le Préfet de Saigon et P. D.

LE CHEF DU BUREAU DE L'ÉTAT CIVIL,



Acte No 16

EXTRAIT DU REGISTRE DES ACTES DE Naissance

Naissance de
Nguyễn-thị-Thủy-Nga .-

de l'année 1944

Thi hành Dự số 52

ngày 29-8-1956.

Tôn-thống Việt-Nam Cộng-hoà

Theo đơn xin của ông Nguyễn-văn-Chín, ngày 19 tháng 11 năm 1956.

Xin đổi tên Amagamadoudabyh Aline Paul thành tên Việt-Nam là : NGUYEN-THI-THUY-NGA

Xã Bình-phước, ngày 20 tháng 11 năm 1956

Ủy-Viên Hộ-Tịch,

Hoài

Chúng tôi hội tịch của người cha số 463 ngày 28-2-1956

tên Amagamadoudabyh đổi tên là

NGUYEN-VAN-CHIN

Xã Bình-phước, ngày 20 tháng 11 năm 1956

Ủy-Viên Hộ-Tịch,

Hoài

Le premier Mars mil neuf cent quarante-quatre, une heure, à la maternité privée Trương-An village de Hanh-thông-xã (Giadinh) est né Nguyễn-thị-Thủy-Nga, du sexe féminin, de Nguyễn-văn-Chín, Contrôleur de route des Chemins de fer de l'Indochine, né le dix-sept Décembre mil neuf cent treize à Tân-Hiệp (Mỹ-the) et de Phan-thị-Thế, sans profession, son épouse, née le vingt-cinq Septembre mil neuf cent douze à Bình-Phước (Tân-An), domiciliés à Gò-vấp (Giadinh).-

Dressé le premier Mars mil neuf cent quarante-quatre, dix heures, sur la déclaration du père qui, lecture faite, a signé avec Nous, René Schneyder, Administrateur Chef de la province de Giadinh, décoré de la Médaille Militaire et de la Croix de Guerre, Officier de l'Etat-civil européen ./.

Signé : Chin

Signé : R. Schneyder

Certifiée conforme à l'acte, la présente copie délivrée par Nous,

18/11/1956
KIỂM HỌ TÊN
MAM GONG
NGUYEN-VAN-CHIN

NAM-PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Tòa Hành-Chánh Quận 3

Số hiệu 6158

H/5

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM Một ngàn chín trăm sáu mươi ba (1963)

Nhà in Inh. Ng-v-Viet Saigon. 6-60 DT

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn đức Cẩm Thúy
Phái	Nữ
Ngày sanh	Mười ba tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba, Igiờ
Nơi sanh	Saigon, 15Bis Cao Thắng
Tên, họ người cha . . .	Nguyễn đức Tiến
Tuổi	Hai mươi bốn
Nghề-nghiệp	Sinh viên
Nơi cư-ngụ	Giadinh, 196/7 ấp Tân Canh
Tên, họ người mẹ . . .	Nguyễn thị Thủy-Nga
Tuổi	Mười chín
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Giadinh, 195/7 ấp Tân Canh
Vợ chánh hay thứ . . .	vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 16 tháng 8 năm 196 3

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 12 tháng 6 năm 196 4

TL. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN BA.
VIÊN - CHỨC HỘ - TỊCH.

PHẠM-VĂN-LUNG

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN . 3

Số hiệu : 6767

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (1966)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn Đức Thủy-Tiến
Phái	NỮ
Ngày sanh	Hai mươi một tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu, 1 giờ 15
Nơi sanh	Saigon, 75 Cao Thắng
Tên, họ người Cha	Nguyễn Đức Tiến
Tuổi	Hai mươi bảy
Nghề-nghiep	Sĩ quan
Nơi cư ngụ	Saigon, 6/30 Lê Văn Duyệt
Tên, họ người mẹ	Nguyễn Thị Thúy-Nga
Tuổi	Hai mươi hai
Nghề-nghiep	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 6/30 Lê Văn Duyệt
Vợ chính hay thứ	Vợ chính

Lập tại Saigon, ngày 24 tháng 9 năm 1966

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

Saigon, ngày 30 tháng 9 năm 1966

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN

1966

H/7

6.

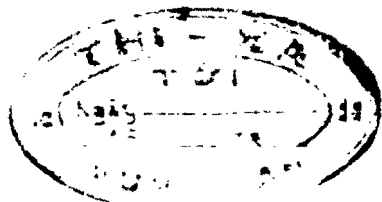
3

6

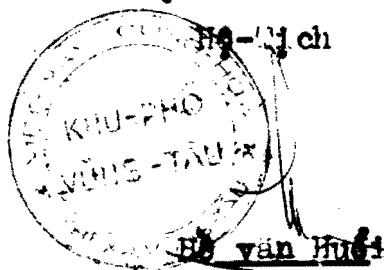
1

Số hiệu: 206

KHAI SANH



SAO Y BỘ ĐỘI
Vũng-Tàu, ngày 4/3/1971
Chữ-Tịch UHC/KP kiêm



Tên, họ của nhi: Nguyễn Tiến-Trí
Phái: Nam
Sanh: Hai mươi bảy tháng giêng năm 1971
Ngày sinh
Tại: Nhà Bảo Sanh Hiền Đức Vũng-Tàu
Cha: Nguyễn Đức-Tiến
Tên họ
Tuổi: Ba mươi hai tuổi
Nghề-nghiep: Quân nhân
Cư-trú tại: Cư Xá Trương Công Định Vũng-Tàu
Mẹ: Nguyễn Thị Thuý Nga
Tên họ
Tuổi: Hai mươi bảy tuổi
Nghề-nghiep: Nội-trợ
Cư-trú tại: Cư Xá Trương Công Định Vũng-Tàu
Vợ: Vợ chánh
Chức vụ
Người khai: Phạm Ngọc PHẤN
Tên họ
Tuổi: Mười chín tuổi
Nghề-nghiep: Nội-trợ
Cư-trú tại: Cư Xá Trương Công Định Vũng-Tàu
Ngày khai: /
Người chứng thứ nhất: Võ Thị Chác
Tên họ
Tuổi: Ba mươi hai tuổi
Nghề-nghiep: Nữ Hộ sanh
Cư-trú tại: Khu-Phố Vũng-Tàu
Người chứng thứ nhì: Nguyễn Thị Sum
Tên họ
Tuổi: Ba mươi tám tuổi
Nghề-nghiep: Nữ hộ sanh
Cư-trú tại: Khu-Phố Vũng-Tàu

Lên tại: Vũng-Tàu ngày 01 tháng 2 năm 1971
Người khai: Hộ lại Nhân chứng

Ký-tên: Phấn, Ký-tên: Hồ Văn Huỗi, ký-tên: Chác, Sum

KHAI SANH

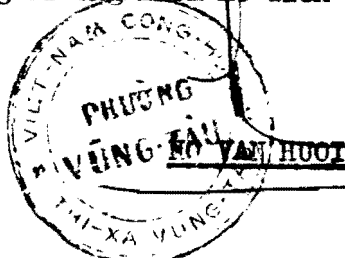
Số hiệu : 2540



SAO Y BỎ ĐOI

VUNG TAU, ngày 22-11-1972

Phuong Truong kiêm Hộ Tịch



Tên, họ ấu nhi :	NGUYEN TIEN THONG
Phái	NAM
Sinh :	Ngày hai mươi tháng mười một năm một ngàn chín
	(Ngày, tháng, năm) trăm bảy mươi hai (1972)
Tại :	Bao sanh viên HIEN DUC VUNG TAU
Cha :	NGUYEN DUC TIEN
	(Tên họ)
Tuổi :	BA MUOI BA T OI
Nghề nghiệp :	Quan nhan
Cư trú tại :	Cu xa Truong cong Dinh 2 Vung Tau
Mẹ :	NGUYEN THI THUY NGA
	(Tên họ)
Tuổi :	Hai mươi tám tuổi
Nghề nghiệp :	Nơi tro
Cư trú tại :	Cu xa Truong cong Dinh 2 Vung Tau
Vợ :	Vo chanh
Người khai :	NGUYEN DUC TIEN
	(Tên họ)
Tuổi :	Ba mươi ba tuổi
Nghề nghiệp :	Quan nhan
Cư trú tại :	Cu xa Truong cong Dinh 2 Vung Tau
Ngày khai :	
Người chứng thứ nhất :	VO THI CHAC
	(Tên họ)
Tuổi :	Ba mươi bốn tuổi
Nghề nghiệp :	Nu ho sanh
Cư trú tại :	Phuong Vung Tau
Người chứng thứ nhì :	NGO THI BICH NGA
	(Tên họ)
Tuổi :	Hai mươi bảy tuổi
Nghề nghiệp :	Nu ho sanh
Cư trú tại :	Phuong Vung Tau

Làm tại VUNG TAU, ngày 22 tháng 11 năm 1972

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng

Ky ten : TIEN

Ky ten : NG VAN HUOI

Ky ten : CHAC, NGA

KHAI SANH

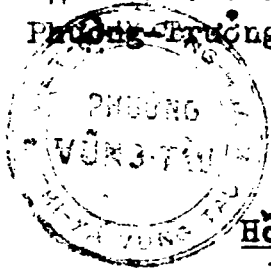
Thuan

Số hiệu : 417

SAO Y BỘ-ĐỘI

Vũng-Tàu, ngày 25/03/1974

Phường-Trưởng kiêm Hộ-Tịch



Hồ-văn-Huôi

ON

Tên, họ ấu nhi :	NGUYỄN-TIẾN-THIỆN
Phái :	Nam
Sanh :	Ngày mười chín, tháng Ba, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn, hồi 10 giờ 07
	(Ngày, tháng, năm)
Tại :	Phường Vũng-Tàu
Cha :	Nguyễn-đức- Tiến
	(Tên họ)
Tuổi :	Ba mươi lăm tuổi
Nghề nghiệp :	Quân-nhân
Cư trú tại :	Cư-Xã Trương-công-Định Vũng-Tàu
Mẹ :	Nguyễn-thị Thủy-Nga
	(Tên họ)
Tuổi :	Ba mươi tuổi
Nghề nghiệp :	Nội-trợ
Cư trú tại :	Cư-Xã Trương-công-Định Vũng-Tàu
Vợ :	Vợ chảnh
Người khai :	Phạm-ngọc-Phấn
	(Tên họ)
Tuổi :	Hai mươi hai tuổi
Nghề nghiệp :	Nội-trợ
Cư trú tại :	Phường Vũng-Tàu
Ngày khai :	Ngày hai mươi ba, tháng Ba, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn.
Người chứng thứ nhất :	Võ-thị-Chắc
	(Tên họ)
Tuổi :	Ba mươi sáu tuổi
Nghề nghiệp :	Nữ hộ-sanh
Cư trú tại :	Phường Vũng-Tàu
Người chứng thứ nhì :	Nguyễn-thị-Sum
	(Tên họ)
Tuổi :	Bốn mươi hai tuổi
Nghề nghiệp :	Nữ hộ-sanh
Cư trú tại :	Phường Vũng-Tàu

Làm tại Vũng-Tàu, ngày 23 tháng 3 năm 1974

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng

Ký tên: Phấn Ký tên: Hồ-văn-Huôi Ký tên: Chắc, Sum

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mã HI 13/79

Xã, Thị trấn: _____

Thị xã, Quận: Nhi

Thành phố, tỉnh: Saigon

BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 56

Quyền _____

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bi danh	NGUYỄN ĐỨC TIỀN	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	28 - 04 - 1939	01 - 03 - 1944
Dân tộc Quốc tịch	//	//
Nghề nghiệp	Sinh Viên	Học Sinh
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	Saigon, 6/30 đường Lê Văn Duyệt	Saigon, 9/18 đường Đặng Trần Côn
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		

Đăng ký, ngày 27 tháng 01 năm 1982

TM/UBND _____ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 02 tháng 06 năm 1984

TM/UBND _____ Ký tên đóng dấu

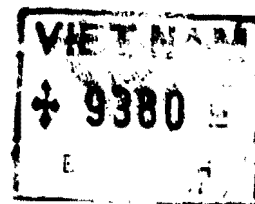
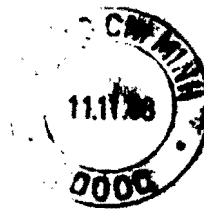
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)
PHÓ VĂN PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Nga



NGUYỄN ĐỨC TIẾN
8/18 đường Trần Hưng Đạo
TP. HCM
PAR AVION



NOV 29 1988

kg Bà KHUẾ MINH THO

P.O. Box 5435, ARLINGTON

VA 22205-0635

USA



C O N T R O L

____ Card
____ ~~+~~ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

5/11/89 form